

Số: 44/2023/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 13 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;*

*Xét Tờ trình số 1476/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về Dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn



nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

b) Đối tượng áp dụng

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh trước ngày Nghị quyết có hiệu lực phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời chuồng trại đến địa điểm phù hợp xong trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi

a) Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (*trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường*) gồm các khu vực quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm xây dựng và hoạt động tại các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành phải thực hiện các quy định sau:

Trong thời gian chưa thực hiện di dời thì không được đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô chăn nuôi kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện chăn nuôi trong thời gian cơ sở chăn nuôi chưa di dời đến địa điểm phù hợp và phải thực hiện di dời đến nơi được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

3. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

a) Điều kiện được hỗ trợ

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này phải đáp ứng đồng thời hoàn thành việc di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm chăn nuôi mới phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc ngừng chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.



## b) Nguyên tắc hỗ trợ

Các cơ sở chăn nuôi chỉ được hưởng một trong các chính sách quy định trong Nghị quyết.

Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi trong các khu vực không được phép chăn nuôi.

## c) Các chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (*thời gian đào tạo dưới 3 tháng*).

+ Mức hỗ trợ bao gồm:

Hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề: Mức 3.000.000 đồng/người/khoá;

Hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

Hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/người/khoá nếu địa điểm đào tạo xa nơi cư trú từ 15km trở lên.

+ Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần sau khi cơ sở ngừng hoạt động chăn nuôi và hoàn thành khoá học.

+ Số người được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi tương ứng với số đơn vị vật nuôi như sau:

Dưới 05 đơn vị vật nuôi: 01 người/cơ sở.

Từ 05 đến 10 đơn vị vật nuôi: 02 người/cơ sở

Trên 10 đơn vị vật nuôi, qui mô cứ tăng thêm 5 đơn vị vật nuôi thì được hỗ trợ thêm 01 người/cơ sở.

*(Cách tính một đơn vị vật nuôi theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).*

- Hỗ trợ cho các cơ sở khi ngừng hoạt động chăn nuôi mà không có nhu cầu đào tạo chuyển đổi nghề.

+ Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/cơ sở.

+ Phương thức hỗ trợ: 01 lần sau khi ngừng hoạt động chăn nuôi, đồng thời tự tháo dỡ chuồng trại.

+ Số người được hỗ trợ được tính như sau:

Dưới 05 đơn vị vật nuôi: 01 người/cơ sở.

Từ 05 đến 10 đơn vị vật nuôi: 02 người/cơ sở

Trên 10 đơn vị vật nuôi, qui mô cứ tăng thêm 5 đơn vị vật nuôi thì được hỗ trợ thêm 01 người/cơ sở.



(Cách tính một đơn vị vật nuôi theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).

- Hỗ trợ di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

+ Mức hỗ trợ: Chi phí tháo dỡ chuồng trại tại khu vực không được phép chăn nuôi, vận chuyển, xây dựng mới tại khu vực được phép chăn nuôi như sau:

Đối với chuồng kiên cố, xây toàn bộ, hoặc có một phần vách lưới B40 hoặc lưới mắt cáo bao quanh; cột bê tông cốt thép hoặc khung cột thép; nền bê tông hoặc láng vữa xi măng: Hỗ trợ 150.000 đồng/m<sup>2</sup> chuồng.

Đối với chuồng bằng cột gỗ, khung gỗ, vách bằng tre, nứa, gỗ tạp; mái lợp ngói, Phibro xi măng, mái lá: Hỗ trợ 100.000 đồng/m<sup>2</sup> chuồng.

+ Phương thức: Hỗ trợ 1 lần sau khi xây xong chuồng trại tại địa điểm phù hợp.

d) Kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi thường xuyên thuộc ngân sách cấp tỉnh.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2023. /*gh*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban Xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Triệu Đình Lê**